

Biểu số:
010tn.N/BCB-TCTK

Ban hành kèm theo Thông tư
số _/2020/TT-BNV ngày
//2020

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm: Ngày 31 tháng
3 năm sau năm báo cáo

**TỶ LỆ THANH NIÊN LÀ
THÀNH VIÊN TRONG HỘ
NGHÈO; TỶ LỆ THANH
NIÊN Ở TRONG HỘ ĐƯỢC
SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC
HỢP VỆ SINH; HỒ XÍ HỢP
VỆ SINH**

Năm...

Đơn vị báo cáo:

Tổng cục thống kê

Đơn vị nhận báo
cáo:

Bộ Nội vụ

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ thanh niên là thành viên trong hộ nghèo	Tỷ lệ thanh niên ở trong hộ được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	Tỷ lệ thanh niên ở trong hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh
A	B	1	2	3
Tổng số	01			
1. Chia theo nhóm dân tộc			x	x
Kinh	02		x	x
Khác	03		x	x
2. Chia theo thành thị/nông thôn				
Thành thị	04			
Nông thôn	05			
3. Chia theo tỉnh/thành phố				
<i>(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính)</i>	06			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 010tn.N/BCB-TCTK: Tỷ lệ thanh niên là thành viên trong hộ nghèo; tỷ lệ thanh niên ở trong hộ được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh; hố xí hợp vệ sinh

1. Khái niệm, phương pháp tính

1.1. Tỷ lệ thanh niên là thành viên trong hộ nghèo là số phần trăm thanh niên sống trong hộ nghèo trong tổng số thanh niên.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ thanh niên là thành viên trong hộ nghèo (\%)} = \frac{\text{Số thanh niên là thành viên hộ nghèo tiếp cận đa chiều}}{\text{Tổng số thanh niên}} \times 100$$

Hộ nghèo đa chiều được xác định dựa vào chuẩn nghèo đa chiều quy định trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo từng giai đoạn cụ thể. Hiện nay được quy định như sau: Hộ nghèo tiếp cận đa chiều là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ chuẩn nghèo chính sách trở xuống, hoặc có thu nhập bình quân đầu người/tháng cao hơn chuẩn nghèo chính sách nhưng thấp hơn chuẩn mức sống tối thiểu và thiếu hụt từ 1/3 tổng số điểm thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều được xác định dựa vào hai tiêu chí, tiêu chí về thu nhập và tiêu chí về các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

a) Tiêu chí thu nhập

- Chuẩn mức sống tối thiểu về thu nhập là mức thu nhập đảm bảo chi trả được những nhu cầu tối thiểu nhất mà mỗi người cần phải có để sinh sống, bao gồm những nhu cầu về lương thực, thực phẩm và tiêu dùng phi lương thực, thực phẩm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

- Chuẩn nghèo về thu nhập là mức thu nhập mà nếu hộ gia đình có thu nhập dưới mức đó sẽ được coi là hộ nghèo về thu nhập. Chuẩn nghèo về thu nhập dùng để xác định quy mô hộ nghèo về thu nhập của quốc gia, xác định đối tượng thụ hưởng chính sách (gọi là chuẩn nghèo chính sách).

b) Tiêu chí về mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm 5 dịch vụ: tiếp cận về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin;

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt gồm 10 chỉ số: (1) Trình độ giáo dục người lớn; (2) tình trạng đi học của trẻ em; (3) tiếp cận các dịch vụ y tế; (4) bảo hiểm y tế; (5) chất lượng nhà ở; (6) diện tích nhà ở bình quân đầu người; (7) nguồn nước sinh hoạt; (8) hố xí/nhà tiêu; (9) sử dụng dịch vụ viễn thông; (10) tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Tỷ lệ thanh niên ở trong hộ được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh là phần trăm thanh niên sống trong hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh trong tổng số thanh niên trong năm xác định.

1.3. Tỷ lệ thanh niên ở trong hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh là số phần trăm thanh niên sống trong hộ được sử dụng hố xí hợp vệ sinh trong tổng số thanh niên trong năm xác định.

2. Cách ghi biểu

- Quy định cách ghi số liệu: Không phải thu thập số liệu và báo cáo đối với biểu thị bằng dấu gạch chéo “x”.

- Cột 1: Ghi tỷ lệ thanh niên là thành viên trong hộ nghèo tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 2: Ghi tỷ lệ thanh niên ở trong hộ được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh tương ứng với các dòng ở cột A.

- Cột 3: Ghi tỷ lệ thanh niên ở trong hộ được sử dụng hố xí hợp vệ sinh tương ứng với các dòng ở cột A.

3. Nguồn số liệu

Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam.